

Bản án số: **193/2023/KDTM - PT.**

Ngày: 29/8/2023

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng mua bán*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Ngô Tuyết Băng**

Ông Bùi Đức Bằng

Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm –
Kiểm sát viên

Trong các ngày 25/8/2023 và ngày 29/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 148/2023/TLPT - KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp: Hợp đồng mua bán

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2023/KDTM-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện ĐA đã bị Công ty TNHH xây dựng PKH là bị đơn trong vụ án kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 468/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 31/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 580/2023/QĐ-PT ngày 14/8/2023 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH PK – ĐN

Trụ sở: Số 39, khu N09 khu đô thị mới SD , phường PĐ , quận LB , Hà Nội

Văn phòng giao dịch: Số 2/200/28 đường NS , phường BĐ, quận LB , Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Cao Phi S – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hậu T – Sinh năm 1952

Trú tại: CH E8, nhà 96B, khu đô thị ĐC, phường PL, quận ĐĐ, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Huy T - Văn phòng luật sư THT, đoàn luật sư thành phố Hà Nội

(Có mặt ông Trần Hậu T , luật sư Trần HT)

- **Bị đơn:** Công ty TNHH xây dựng PKH

Trụ sở: Số 01, tầng 10 tháp R1 Cao ốc The E, số 968 đường 3 tháng 2, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị Phương L – Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Văn phòng luật sư ĐK

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Tấn Đạt – Nhân viên Văn phòng luật sư ĐK .

Địa chỉ: Số 295 Tô Hiệu, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH xây dựng PKH : Luật sư Nguyễn ĐK – Trưởng Văn phòng luật sư ĐK , đoàn luật sư TP Hà Nội

(Có mặt ông Nguyễn Tấn Đạt, Luật sư Nguyễn ĐK)

* Người được Tòa án triệu tập: Ông Đỗ Quang K – Sinh năm 1989

Địa chỉ: Số 32, ngõ 131 đường TP, khu B, tập thể Đại học KT, tổ 5, phường VQ, quận HĐ , Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân P – Sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 809A Cáo ốc BG, số 184 đường LDH, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

(Ông P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/10/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH PK ĐN do người đại diện theo pháp luật là ông Cao Phi S trình bày: Công ty TNHH PK - ĐN (Gọi tắt là Công ty ĐN hoặc bên B) và Công ty TNHH Xây dựng PKH (sau đây gọi tắt là Công ty PKH hoặc bên A) đã ký và thực hiện 02 hợp đồng kinh tế:

Hợp đồng kinh tế số 0109/2017/5B2/PK-ĐN ngày 01/9/2017 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 0109) về việc bên A mua của bên B bê tông thương phẩm, thuê bên B dịch vụ vận chuyển bê tông và thuê bơm bê tông phục vụ thi công Công trình Dự án nhà ở xã hội khu 5B2, 5B3 và 5B5 thuộc khu tái định cư xã Đông Hội, huyện ĐA , thành phố Hà Nội. Hai bên thỏa thuận thống nhất về đơn giá, độ sụt, chất lượng, bên B giao hàng tại công trình theo yêu cầu của bên A, bên A thanh toán theo khối lượng nghiệm thu thực tế theo từng đợt trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán; Hợp đồng không xác định giá trị hợp đồng cụ thể. Hai bên còn ký 05 phụ lục hợp đồng (số 01 ngày 11/9/2017, số 02 ngày 01/10/2017, số 03 ngày 01/02/2018, số 04 ngày 01/5/2018 và số 05 ngày 01/11/2018) bổ sung đơn giá.

Kết quả thực hiện Hợp đồng số 0109:

- Tổng khối lượng và giá trị đã thực hiện: bên A đã mua bê tông thương phẩm: 48.754 m³, thuê dịch vụ bơm bê tông: 45.740 m³ và thuê vận chuyển bê tông: 325 chuyến, với tổng giá trị đã thực hiện: 55.065.969.046 đồng

- Khối lượng và giá trị đã thanh toán gồm 20 đợt (từ đợt 1 - 20) và một phần của đợt 21: khối lượng bê tông thương phẩm: 38.637 m³, dịch vụ bơm bê tông: 35.995 m³ và vận chuyển bê tông: 281 chuyến, với tổng giá trị đã thanh toán: 44.164.492.500 đồng

- Khối lượng và giá trị chưa thanh toán gồm 06 đợt (từ đợt 21- 26, trong đó đợt 21 đã thanh toán 1 phần): khối lượng bê tông thương phẩm: 10.082 m³, dịch vụ bơm bê tông: 9.745 m³ và vận chuyển bê tông: 44 chuyến, với tổng giá trị chưa thanh toán (còn nợ bên B): 10.901.476.546 đồng

Trong đó:

+ Có 04 đợt (đợt 21-24) hai bên đã ký các biên bản nghiệm thu khối lượng, bên B đã cung cấp cho bên A hồ sơ thanh toán hợp lệ, đã xuất 04 hóa đơn GTGT với khối lượng và giá trị: bê tông thương phẩm: 8.934 m³, dịch vụ bơm bê tông: 8.837 m³ và vận chuyển bê tông: 7 chuyến, giá trị chưa thanh toán: 10.299.816.546 đồng.

+ Có 02 đợt (đợt 25 và 26) hai bên đã ký các biên bản nghiệm thu khối lượng nhưng do bên A chưa có tiền thanh toán nên bên B chưa xuất hóa đơn GTGT với khối lượng và giá trị: bê tông thương phẩm: 546 m³, dịch vụ bơm bê tông: 320 m³ và vận chuyển bê tông: 37 chuyến, giá trị chưa thanh toán: 601.660.000 đồng. *(Chi tiết số liệu tại phụ lục số 1).*

Hợp đồng kinh tế số 13/2020/C1/HĐ/PKĐN ngày 10/4/2020 *(sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 13)* về việc Bên A thuê của bên B 03 cần phân phối PUTZMEISTER và ống bơm, cung cấp dịch vụ bơm bê tông (bơm tĩnh) phục vụ công tác thi công tại Dự án xây dựng Tòa nhà thương mại dịch vụ và chung cư Ecolife Riverside, thuộc Khu đất CI, khu dân cư CI Đông đường Điện Biên Phủ, Phường Nhơn Bình, TP Quy Nhơn, Bình Định; Giá trị hợp đồng bao gồm thuế là: 3.261.265.500 đồng Kết quả thực hiện Hợp đồng số 13:

- Tổng khối lượng và giá trị đã thực hiện: gồm 6 đợt (đợt 1- 6): bơm bê tông: 20.901 m³; ca chờ (thời gian > 4 giờ): 11 ca; thuê cần phân phối bê tông: 06 đợt, với tổng giá trị đã thực hiện: 3.299.183.785 đồng.

- Khối lượng và giá trị thực hiện đã được thanh toán: gồm 05 đợt (đợt 1 – 5): bơm bê tông: 18.784 m³; ca chờ: 08 ca; thuê cần phân phối bê tông: 05 đợt, với tổng giá trị đã thanh toán: 2.872.578.652 đồng.

- Khối lượng và giá trị đã thực hiện nhưng chưa được thanh toán gồm 01 đợt (đợt 6): bơm bê tông: 2.117 m³; ca chờ: 03 ca; thuê cần phân phối: 01 đợt, với tổng giá trị chưa thanh toán: 426.605.133 đồng (đây là khối lượng và giá trị tuy đã thực hiện, 2 bên đã ký nghiệm thu khối lượng, nhưng do bên A chưa đồng ý chuyển tiền nên bên B chưa xuất hóa đơn GTGT). *(Chi tiết số liệu tại phụ lục số 2).*

Quá trình thực hiện 2 hợp đồng, bên B đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản quy định trong hợp đồng và các quy định của pháp luật về cung ứng hàng hóa, đã cung cấp đầy đủ hàng hóa và dịch vụ theo đúng thỏa thuận tại từng hợp đồng và theo yêu cầu cụ thể của bên A. Quá trình giao nhận hàng, từng đợt, bên B đã cung ứng và bên A đã ký nhận biên bản bàn giao khối lượng, đúng khối lượng, chủng loại, tiến độ quy định *(Chi tiết số liệu tại phụ lục số 5).*

* Tổng hợp giá trị thực hiện 02 hợp đồng kinh tế:

- Tổng giá trị đã thực hiện: 58.365.152.831 đồng

- Tổng giá trị đã thanh toán: 47.037.071.152 đồng

Tổng tiền nợ gốc chưa thanh toán: 11.328.081.679 đồng.

Ngoài ra, Công ty PKH có vay tiền mặt của Công ty ĐN số tiền: 500.000.000 đồng, đã trả 177.820.000 đồng, còn lại 322.180.000 đồng chưa trả.

Nhưng Công ty DN tự nguyện xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần vay tiền mặt này.

Nay, Công ty DN đề nghị Tòa án buộc Công ty PKH phải thanh toán trả cho Công ty DN các khoản tiền nợ tạm tính đến ngày 07/3/2022:

+ Tiền nợ gốc: 11.328.081.679 đồng.

+ Tiền nợ lãi: 4.267.295.186 đồng.

+ Tổng cộng: 15.595.376.865

- Và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/3/2023 trên số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong toàn bộ tiền nợ cho công ty DN .

- Trong trường hợp Công ty PKH không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên thì Công ty TNHH PK - DN được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại đối với tài sản của Công ty PKH để bảo đảm thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty PKH do ông Nguyễn Tấn Đạt là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Đối với các Hợp đồng kinh tế số 0109/2017/5B2/PK-DN ngày 01/9/2017 và Hợp đồng kinh tế số 13/2020/C1/HĐ/PKDN ngày 10/4/2020 cũng như các phụ lục hợp đồng kinh tế phía Công ty PKH xác nhận có ký với Công ty DN và các điều khoản cụ thể được thể hiện trong hợp đồng là đúng.

Về diễn biến khối lượng công việc và thực hiện giữa Công ty DN và Công ty PKH theo hồ sơ.

Lý do Công ty PKH hiện vẫn chưa thanh toán cho Công ty DN là do phía Công ty PKH chưa được chủ đầu tư thanh toán (hiện Chủ đầu tư vẫn còn nợ Công ty PKH khoảng 30 tỷ đồng) nên Công ty PKH không đáp ứng được yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, Công ty PKH xác định ông Cao Phi S là giám đốc Công ty DN nhưng thực tế chỉ nắm giữ 30% cổ phần của Công ty DN , không đủ vốn góp như đăng ký kinh doanh, không thực hiện đúng nghĩa vụ của giám đốc theo điều lệ Công ty, không trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên hội đồng thường niên, nhiều năm không tổ chức họp hội đồng thành viên nên không đủ tư cách đại diện cho Công ty DN và không có quyền khởi kiện đối với Công ty PKH tại Tòa án. Mặt khác thời điểm ký Hợp đồng kinh tế số 0109 thì Công ty PKH đang là thành viên góp vốn của Công ty DN . Do đó, Công ty PKH không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Công ty DN xem xét rút đơn khởi kiện để hai Công ty thỏa thuận giải quyết bên ngoài tòa án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2023/KDTM-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện ĐA đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH PK - DN đối với Công ty TNHH Xây dựng PKH về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty TNHH Xây dựng PKH phải thanh toán trả cho Công ty TNHH PK - DN các khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 0109/2017/5B2/PK-DN ngày 01/9/2017 và các phụ lục hợp đồng tính đến ngày 17/03/2023, cụ thể gồm:

+ Số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng là 10.901.476.546 đồng.

+ Số tiền lãi chậm trả là: 4.365.079.399 đồng.

Tổng cộng là 15.266.555.945 đồng (mười lăm tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng).

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH PK - ĐN đối với Công ty TNHH Xây dựng PKH về việc thanh toán số tiền nợ vay là 322.180.000 đồng và yêu cầu thanh toán số tiền 426.605.133 đồng của Hợp đồng kinh tế số 13/2020/C1/HĐ/PKĐN ngày 10/4/2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý bản án sơ thẩm, ngày 30/3/2023, bị đơn là PKH đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do: bản án sơ thẩm có nội dung không phản ánh đúng sự thật khách quan của vụ việc, nhiều nội dung nêu không đúng hồ sơ vụ án, không đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của bị đơn, việc giải quyết vụ án có nhiều vi phạm pháp luật tố tụng dân sự như không triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu của bị đơn, không xem xét tài liệu, chứng cứ do bị đơn thu thập... Vì vậy, bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐA và đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tạo điều kiện để thỏa thuận giải quyết vụ án nhưng các bên không thỏa thuận được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn nộp bổ sung tài liệu là Đơn khởi kiện của ông Đỗ Quang K, các tài liệu kèm theo và biên bản giao nhận với Văn phòng Tòa án nhân dân TP Hà Nội về việc nộp đơn khởi kiện ngày 24/8/2023.

Nguyên đơn nộp bổ sung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty PK ĐN thay đổi lần thứ nhất.

-Bị đơn (người kháng cáo) là Công ty PKH do luật sư trình bày và nêu luận cứ: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo bản án sơ thẩm với các lý do sau:

Bị đơn đã đề nghị Tòa án sơ thẩm đưa ông Đỗ Quang K là thành viên của Công ty ĐN tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không được Tòa án sơ thẩm chấp nhận.

Ông K đã nộp vi bằng thể hiện ông K có phần vốn góp tại Công ty ĐN

Ông Cao Phi S đã tự ký đơn khởi kiện mà không đại diện cho chủ sở hữu Công ty là Công ty ĐN là không đúng.

Ông Cao Phi S vi phạm nghĩa vụ của người đại diện Công ty ĐN như không làm báo cáo tài chính hàng năm gửi cho hội đồng thành viên Công ty, không họp Hội đồng thành viên trong nhiều năm, làm giả hồ sơ để giảm vốn Công ty ĐN từ 20 tỷ xuống còn 10 tỷ.

Thực tế, ông Cao Phi S không hề góp vốn tại Công ty ĐN.

Khi Công ty mới thành lập thì ông P là người đại diện cho phần vốn góp của Công ty PKH tại Công ty ĐN (Ông P là chồng bà Lam – Giám đốc Công ty PKH)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty ĐN cấp thay đổi lần thứ 2 vào ngày 07/01/2021 là không hợp pháp và ông K đã có đơn gửi Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội. Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội đã có văn bản gửi cho cơ quan điều tra để xác minh. Cơ quan điều tra là Công an quận LB đã mời ông K lên làm việc từ tháng 6/2023

Theo xác minh của luật sư thì Công ty ĐN hiện nay không hoạt động tại trụ sở Công ty theo Đăng ký kinh doanh của Công ty. Việc Công ty ĐN đăng ký địa điểm kinh doanh mới ở phường Bồ Đề khi đang có tranh chấp là không đúng quy định và cần phải có đồng ý của ông K là thành viên của Công ty ĐN

Ngày 21/8/2023, ông K có đơn khởi kiện ông Cao Phi S và Công ty Đại Na tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc tranh chấp thành viên Công ty (đơn nộp ngày 24/8/2023). Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án hoặc tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả giải quyết vụ án tranh chấp thành viên Công ty

-Nguyên đơn là Công ty TNHH PK – ĐN do luật sư trình bày và nêu luận cứ:

Việc tranh chấp theo đơn khởi kiện do ông K nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và các tài liệu kèm theo thì đây là ý kiến của ông K đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm. Đây là tranh chấp trong nội bộ Công ty ĐN, không liên quan gì đến tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên là Công ty ĐN và Công ty PKH mà Tòa án hôm nay đang giải quyết.

Đăng ký kinh doanh của Công ty ĐN thể hiện hiện nay ông Cao Phi S là người đại diện theo pháp luật của Công ty ĐN nên Công ty có quyền ký đơn khởi kiện công ty PKH theo quy định tại khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự còn yêu cầu khởi kiện của ông K đối với ông S và Công ty ĐN là theo khoản 4 điều 30 Luật tố tụng dân sự nên không liên quan đến nhau.

Về việc hoạt động tại trụ sở Công ty: Thực tế, việc Công ty phải thay đổi địa chỉ do kinh tế khó khăn, một trong các nguyên nhân là do Công ty PKH không chịu trả nợ nên Công ty ĐN phải tìm nơi khác nhỏ hơn để chuyển văn phòng về đây và đã làm thủ tục thay đổi tại Phòng đăng ký kinh doanh.

Thực tế, Công ty ĐN vẫn hoạt động bình thường, không xin tạm dừng hoạt động hay giải thể nên vẫn đủ tư cách khởi kiện bị đơn.

Theo quy định tại Điều 12, điều 55, điều 59 Luật doanh nghiệp, Điều 139 Luật Dân sự và điều 18, điều 22 điều lệ Công ty thì ông S có quyền khởi kiện không cần sự đồng ý của Hội đồng thành viên mà cụ thể là ông K (Ông K là em trai bà Lam – đại diện theo pháp luật Công ty PKH)

Tỷ lệ góp vốn trong doanh nghiệp chỉ có ý nghĩa trong việc biểu quyết khi họp Hội đồng thành viên.

Bị đơn chỉ kháng cáo bản án sơ thẩm về tư cách của nguyên đơn. Còn các nội dung khác thì bị đơn không có ý kiến gì. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn.

- Ông Đỗ Quang K do ông Nguyễn Xuân P là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty ĐN là Công ty con của Công ty PKH . Thời gian đầu, Công ty PKH có góp vốn cho Công ty ĐN , sau đó chuyển sang cho ông K

Ông Cao Phi S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người quản lý tại doanh nghiệp ĐN

Tỷ lệ góp vốn ban đầu Công ty PKH là 51%, ông S là 49%. Vốn điều lệ đăng ký là 20 tỷ. Công ty PKH đã chuyển cho Công ty ĐN 7,5 tỷ đồng

Ông S và ông P quen biết nhau do làm ăn chung trước đó. Sau hai lần thống nhất thành lập Công ty để làm ăn, Ông S không chủ động tìm việc cho Công ty mà phụ thuộc vào Công ty PKH . Đề nghị của bị đơn là đúng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện ĐA giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền do nơi thực hiện hợp đồng là địa bàn huyện ĐA và nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện ĐA để giải quyết vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn đã có đơn kháng cáo bản án. Kháng cáo của bị đơn là trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung kháng cáo:

Công ty ĐN từ khi thành lập đến nay có 02 lần thay đổi đăng ký kinh doanh và người đại diện theo pháp luật của Công ty vẫn là ông Cao Phi S . Đến nay, doanh nghiệp này chưa giải thể hay chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, sáp nhập hay chia tách doanh nghiệp nên Công ty ĐN có đủ tư cách pháp nhân và ông S là người đại diện theo quy định của pháp luật có quyền khởi kiện, tham gia tố tụng theo các điều 134, 135, 137 luật Dân sự 2015 nên không thể hủy bản án sơ thẩm.

Ông K và ông S có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp nếu có tranh chấp thì được giải quyết trong một vụ án khác. Lời khai về nội dung tranh chấp bị đơn đã trình bày trong biên bản đối chất ngày 10/10/2022 và hòa giải ngày 26/10/2022.

Đề nghị của bị đơn do có việc ông K nộp đơn khởi kiện ông S và khiếu nại việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 cần phải tạm đình chỉ chờ kết quả giải quyết là không phù hợp điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự nên không chấp nhận.

Các nhận định và quyết định về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong hợp đồng mua bán hàng hóa mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện ĐA , thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Xét thấy, đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty PKH nằm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán. Bị đơn là Công ty PKH có trụ sở tại số 01, tầng 10 Tháp R1 Cao ốc The Everrich, số 968 đường 3 tháng 2, phường 15, quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại hợp đồng mua bán, các bên thỏa thuận cơ quan giải quyết tranh chấp là Tòa Kinh tế - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Công ty ĐN đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã chuyển đơn về Tòa án nhân dân quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 24/12/2021, nguyên đơn là Công ty ĐN đã có văn bản gửi Tòa án nhân dân quận 11, thành phố Hồ Chí Minh về việc lựa chọn Tòa án nhân dân huyện ĐA là cơ quan giải quyết tranh chấp do nơi thực hiện hợp đồng là công trình dự án nhà ở xã hội khu 5B2, 5B3 và 5B5 thuộc khu tái định cư Đông Hội, huyện ĐA , Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35; điểm g khoản 1 điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện ĐA giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng: Tranh chấp giữa Công ty ĐN và Công ty PKH là tranh chấp hợp đồng mua bán bê tông phát sinh từ các hợp đồng mua bán mà Công ty ĐN và Công ty PKH đã ký kết. Công ty PKH kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Đỗ Quang K là thành viên góp vốn của Công ty ĐN tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng. Cấp phúc thẩm thấy rằng: tranh chấp

giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng mua bán bê tông. Các bên ký kết hợp đồng đều là pháp nhân độc lập, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp. Đến thời điểm khởi kiện, giải quyết vụ án các doanh nghiệp này chưa bị tạm ngừng, giải thể hoặc phá sản theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, cấp sơ thẩm không xác định ông Đỗ Quang K - thành viên góp vốn của Công ty ĐN là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Theo đề nghị của bị đơn, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập, lấy lời khai của ông Đỗ Quang K và triệu tập ông K đến phiên tòa hôm nay, kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa cho thấy ông K là Thành viên của Công ty nhưng xác định ông Đỗ Quang K không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự mà chỉ là người làm chứng theo điều 77 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của Công ty PKH về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Công ty ĐN và Công ty PKH đã ký kết các hợp đồng kinh tế sau:

Thứ nhất: Hợp đồng kinh tế số 0109/2017/5B2/PK-ĐN ngày 01/9/2017 (gọi tắt là Hợp đồng số 0109) về việc Công ty PKH mua của Công ty ĐN bê tông thương phẩm, thuê Công ty ĐN dịch vụ vận chuyển bê tông và thuê bơm bê tông phục vụ thi công Công trình Dự án nhà ở xã hội khu 5B2, 5B3 và 5B5 thuộc khu tái định cư xã Đông Hội, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Thứ hai: Hợp đồng kinh tế số 13/2020/C1/HĐ/PKĐN ngày 10/4/2020 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 13) về việc Bên A thuê của bên B 03 cần phân phối PUTZMEISTER và ống bơm, cung cấp dịch vụ bơm bê tông (bơm tĩnh) phục vụ công tác thi công tại Dự án xây dựng Tòa nhà thương mại dịch vụ và chung cư Ecolife Riverside, thuộc Khu đất C1, khu dân cư C1 Đông đường Điện Biên Phủ, Phường Nhon Bình, TP Quy Nhơn, Bình Định

Ngoài ra, các bên còn ký kết 05 phụ lục hợp đồng có liên quan đến hợp đồng số 0109.

Về việc ký kết các hợp đồng và phụ lục hợp đồng nêu trên đều được các bên thừa nhận. Thấy rằng, hợp đồng kinh tế và phụ lục hợp đồng kinh tế được các bên

ký kết tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực

Quá trình giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với nghĩa vụ của bị đơn theo hợp đồng số 13 đồng thời rút yêu cầu khởi kiện về số tiền cho Công ty PKH vay là 322.180.000 đồng. Việc rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng số 13 và số tiền cho Công ty PKH vay của nguyên đơn là tự nguyện nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là đúng quy định.

Như vậy, các bên chỉ tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng số 0109 ngày 01/9/2017 và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

Về việc thực hiện hợp đồng số 0109:

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty ĐN đã xuất bán bê tông cho Công ty PKH nhiều đợt với tổng giá trị đã thực hiện là 55.065.969.046 đồng. Công ty PKH đã thanh toán được 20 đợt (từ đợt 1 đến đợt 20) và một phần của đợt 21 với tổng giá trị đã thanh toán là 44.164.492.500 đồng.

Khối lượng chưa thanh toán gồm 06 đợt (từ đợt 21 đến đợt 26) trong đó đợt 21 đã thanh toán được một phần. Tổng giá trị Công ty PKH còn phải thanh toán cho Công ty ĐN là 10.901.476.546 đồng.

Tại Tòa án, nguyên đơn xuất trình các tài liệu là hợp đồng mua bán, các phụ lục hợp đồng mua bán, bảng tổng hợp thanh toán từng đợt, bảng tổng hợp khối lượng bê tông và bơm bê tông, bảng diễn giải thanh toán khối lượng thực hiện từng đợt, bảng tổng hợp chiết khối lượng bê tông, bảng chi tiết khấu trừ từng đợt, các hóa đơn giá trị gia tăng và một số tài liệu khác. Theo đó, từ đợt số 21 đến đợt thứ 24 nguyên đơn và bị đơn đều ký xác nhận vào Bảng tổng hợp thanh toán (các bút lục số 101, 114, 124, 135), ngoài ra bị đơn còn ký xác nhận vào các bảng chi tiết khấu trừ nợ, bảng diễn giải thanh toán...

Đối với đợt thanh toán 25 -26: mặc dù các bên chưa ký bảng tổng hợp thanh toán nhưng đại diện bị đơn đã ký các biên bản bàn giao khối lượng bê tông và khối lượng bơm bê tông mà không có thắc mắc gì về khối lượng và chất lượng.

Như vậy, về phía nguyên đơn đã xuất trình chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình.

Về phía bị đơn: Tại cấp sơ thẩm, liên quan đến nghĩa vụ thực hiện theo hợp đồng mua bán bê tông, bị đơn không xuất trình tài liệu, chứng cứ mà đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ theo quy định. Tại buổi làm việc ngày 10/10/2022, bị đơn có ý kiến: Về diễn biến, khối lượng công việc thực hiện giữa Công ty ĐN và Công ty PKH theo hồ sơ.... Tại buổi hòa giải ngày 26/10/2022, Công ty PKH vẫn giữ ý kiến: về diễn biến, khối lượng công việc và thực hiện giữa Công ty ĐN và Công ty PKH theo hồ sơ.

Thấy rằng, Công ty ĐN đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Về phía Công ty PKH đã được Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc Công ty PKH không có nghĩa vụ phải thanh toán theo hợp đồng mua bán đã ký với Công ty ĐN là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70, khoản 1 khoản 2 khoản 4 điều 91, Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty PKH có ý kiến cho rằng Công ty chưa thanh toán là do người đại diện theo pháp luật của Công ty PKH là bà Đỗ Thị Phương L chưa nhận được thông báo và yêu cầu trả nợ của Công ty ĐN đồng thời Công ty PKH chưa được chủ đầu tư thanh toán (Chủ đầu tư còn nợ Công ty PKH khoảng 30.000.000.000 đồng). Các lý do Công ty PKH đưa ra nêu trên để không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Công ty ĐN là phù hợp điều 5 quy định về thanh toán trong hợp đồng hai bên đã ký.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty ĐN với Công ty PKH về việc yêu cầu Công ty PKH phải thanh toán số tiền 10.901.476.546 đồng là tiền mua bê tông còn thiếu theo hợp đồng số 0109 là có căn cứ. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Về yêu cầu tính lãi: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng mua bán. Tại hợp đồng số 0109 các bên có thỏa thuận về lãi chậm trả như sau: Nếu quá thời hạn thanh toán thì bên A (Công ty PKH) sẽ phải chịu lãi suất cho giá trị chậm trả bằng 1,5 lần lãi suất ngân hàng tại thời điểm chậm trả nhưng thời gian chậm trả không quá một tháng.

Do tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa nên cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất là lãi suất quá hạn trung bình của ba ngân hàng là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam là đúng quy định. Theo đó, mức lãi suất bình quân của ba ngân hàng là 7,5% nên mức lãi suất chậm thanh toán theo thỏa thuận của các bên là $7,5\% \times 1,5 = 11,2\%$ là đúng thỏa thuận của các bên. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán lãi chậm trả với số tiền là 4.365.079.399 đồng là phù hợp.

Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử, phía bị đơn có kháng cáo và các đơn trình bày xoay quanh 4 nội dung chính là tư cách khởi kiện của ông S ;phần vốn góp tại Công ty ĐN của ông Khang; việc thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 2 của Công ty ĐN có có dấu hiệu vi phạm pháp luật và trụ sở Công ty ĐN là không có thật.

Xem xét ý kiến của bị đơn tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm liên quan đến quyền khởi kiện của Công ty ĐN và cơ cấu, tổ chức và hoạt động của Công ty ĐN liên quan đến việc bị đơn cho rằng Công ty ĐN (do ông Cao Phi S đại diện theo pháp luật) không có quyền khởi kiện và yêu cầu Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn có lời khai về việc ông Cao Phi S đã giải mạo chữ ký của ông K để thực hiện việc thay đổi đăng ký kinh doanh (giảm vốn điều lệ của Công ty ĐN từ 20 tỷ xuống còn 10 tỷ) nên đã có đơn ra cơ quan Công an và đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết để chờ kết quả giải quyết của cơ quan Công an, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty ĐN do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/08/2017 thể hiện danh sách thành viên góp vốn có hai thành viên là Công ty TNHH xây dựng PKH và ông Cao Phi S trong đó người đại diện theo pháp luật là ông Cao Phi S .

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần 1 của Công ty ĐN do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2019 thể hiện danh sách thành viên góp vốn là ông Đỗ Quang K (tại

phiên tòa xác định do ông K nhận chuyển nhượng vốn từ công ty PKH mà bà Lam là chị gái ông K là người đại diện theo pháp luật) và ông Cao Phi S trong đó người đại diện theo pháp luật là ông Cao Phi S .

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp thay đổi lần 2 của Công ty DN do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/01/2021 thể hiện danh sách thành viên góp vốn vẫn là ông Đỗ Quang K và ông Cao Phi S trong đó người đại diện theo pháp luật vẫn là ông Cao Phi S mà chỉ thay đổi giảm vốn điều lệ Công ty từ 20 tỷ xuống còn 10 tỷ.

Tại hai cấp Tòa án, phía bị đơn cho rằng ông Cao Phi S đại diện theo pháp luật của Công ty DN đã tự ý nhân danh Công ty DN để khởi kiện vụ án, vi phạm nghĩa vụ của người quản lý, tự ý làm hồ sơ, giả mạo chữ ký thành viên công ty là ông Đỗ Quang K để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm để khởi kiện nên việc khởi kiện này là bất hợp pháp vì một mình ông Cao Phi S không có quyền khởi kiện khi không được thành viên còn lại của Công ty đồng ý. Về ý kiến này của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Theo các Giấy chứng nhận đăng ký lần đầu, đăng ký thay đổi lần thứ 1 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 của Công ty DN đều thể hiện: người đại diện theo pháp luật của Công ty DN là ông Cao Phi S và ông S đều nắm giữ tỷ lệ là 49% tỷ lệ vốn góp. Mặc dù sau này khi thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 (giảm vốn điều lệ) thì tỷ lệ vốn góp của ông S vẫn không thay đổi là 49%. Ông K và phía bị đơn cho rằng không có tài liệu nào thể hiện việc ông S góp vốn vào Công ty DN như đăng ký kinh doanh thể hiện trong khi ông K có chứng từ của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam về việc Công ty PKH chuyển tiền góp vốn vào Công ty DN với số tiền 7.500.000.000 đồng. Tại biên bản đối chất ngày 10/10/2022, bị đơn có ý kiến ông S là đại diện theo pháp luật nhưng không đại diện cho quyền lợi của toàn bộ thành viên góp vốn vì vốn góp thực tế của ông S hiện chỉ có 30% tổng vốn góp của các thành viên Công ty. Tại buổi hòa giải ngày 26/10/2022, bị đơn vẫn có ý kiến cho rằng ông S chỉ nắm giữ 30% cổ phần của Công ty DN chứ không phải 49%. Như vậy, bị đơn có lời khai có mâu thuẫn ở cấp sơ thẩm xác định ông S chỉ có 30% tổng vốn góp, lên cấp phúc thẩm lại cho rằng ông S không góp đồng nào bổ sung. Trong khi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty DN được

cấp xác định ông S góp vốn với tỷ lệ 49% vốn điều lệ. Theo điều 46 và điều 54 Luật doanh nghiệp thì ông Cao Phi S có quyền đại diện, nhân danh công ty khởi kiện vụ án đối với Công ty PKH. Kháng cáo của bị đơn đề nghị hủy án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án không được chấp nhận. Việc Công ty PKH cho rằng Công ty PKH cũng như ông K là thành viên góp vốn nhưng không được biết gì về hoạt động của Công ty ĐN, ông Cao Phi S là người đại diện theo pháp luật của Công ty ĐN không thực hiện đúng nghĩa vụ của giám đốc theo điều lệ Công ty, không trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm... Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng các ý kiến này của Công ty PKH không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Công ty ĐN đối với Công ty PKH vì trong vụ án này, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng mua bán bê tông theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Công ty ĐN và Công ty PKH là hai pháp nhân độc lập đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Đến thời điểm hiện tại các doanh nghiệp trên chưa đăng ký thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động, sáp nhập, chia tách hoặc giải thể nên theo quy định tại khoản 1 điều 13 Luật doanh nghiệp 2015; Điều 186, khoản 3 điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự thì người đại diện theo pháp luật của Công ty ĐN được ghi trong đăng ký kinh doanh (ông Cao Phi S) có quyền ký đơn khởi kiện vụ án. Nếu giữa Công ty ĐN hoặc ông Đỗ Quang K nếu có tranh chấp về thành viên Công ty với nhau, tranh chấp về việc góp vốn có thể khởi kiện bằng một vụ án khác. Đề nghị hoãn phiên tòa hôm nay và tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giải quyết đơn tố giác tội phạm của ông Đỗ Quang K tại cơ quan Công an hoặc chờ kết quả giải quyết vụ tranh chấp thành viên Công ty với nhau là không phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 214 Bộ luật tố tụng dân sự nên không được chấp nhận.

Ông Cao Phi S ký hợp đồng mua bán và ký đơn khởi kiện Công ty PKH là thực hiện quyền của Giám đốc Công ty theo quy định tại mục b khoản 2 điều 63 luật doanh nghiệp 2020: “Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty” Việc khởi kiện thu hồi nợ là hoạt động thường ngày mà Công ty không cần phải phê duyệt hay nhất trí của Hội đồng thành viên. Điều 59 Luật doanh nghiệp cũng như điều lệ Công ty ĐN không có quy định bắt buộc này.

Việc thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 2 của Công ty DN cho đến thời điểm hiện nay chưa thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Việc Công ty DN không hoạt động tại nơi có đăng ký kinh doanh mà đã chuyển sang địa điểm kinh doanh khác không ảnh hưởng gì đến tư cách pháp nhân của Công ty DN cũng như quyền khởi kiện đòi nợ.

Từ những phân tích trên, thấy kháng cáo của Công ty PKH là không có căn cứ, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Luận cứ của luật sư bảo vệ nguyên đơn có căn cứ nên được chấp nhận. Luận cứ của luật sư bảo vệ bị đơn tương tự như nội dung kháng cáo của bị đơn đã được Hội đồng xét xử phân tích ở trên nên không nêu lại.

Từ những nhận định trên!

- Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 30 ; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 217; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Căn cứ: Các điều 24, 50, 55, 300, 306 và 319 Luật thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019.

- Căn cứ: Điều 55, 59, 63 Luật doanh nghiệp.

- Căn cứ: Điều 134, điều 135, điều 137, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH xây dựng PKH . Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2023/KDTM-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện ĐA , thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH PK - ĐN đối với Công ty TNHH Xây dựng PKH về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty TNHH Xây dựng PKH phải thanh toán trả cho Công ty TNHH PK - ĐN các khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 0109/2017/5B2/PK-ĐN ngày 01/9/2017 và các phụ lục hợp đồng tính đến ngày 17/03/2023, cụ thể gồm:

+ Số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng là 10.901.476.546 đồng.

+ Số tiền lãi chậm trả là: 4.365.079.399 đồng.

Tổng cộng là 15.266.555.945 đồng (mười lăm tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng).

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH PK - ĐN đối với Công ty TNHH Xây dựng PKH về việc thanh toán số tiền nợ vay là 322.180.000 đồng và yêu cầu thanh toán số tiền 426.605.133 đồng của Hợp đồng kinh tế số 13/2020/C1/HĐ/PKĐN ngày 10/4/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong khoản tiền hàng phải thanh toán là 10.901.476.546 đồng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền lãi phải thanh toán là 4.365.079.399 đồng, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí: Công ty TNHH Xây dựng PKH phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 123.267.000 đồng và 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Đối trừ 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 6659 ngày 06/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Công ty TNHH Xây dựng PKH còn phải nộp 123.267.000 đồng. Công ty TNHH PK - ĐN không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại Công ty TNHH PK - ĐN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 60.922.522 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0046779 ngày 21/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 29/8/2023

Nơi nhận:

- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- *Tòa án ND H. ĐA ;*
- *Chi cục THADS H. ĐA ;*
- *Dương sự.*
- *Lưu.*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Minh Thành